

Số: **425** /BC-UBND

Bình Phước, ngày **04** tháng **12** năm 2023

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước và dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Báo cáo số 83/BC-KTNS-HĐND ngày 27/11/2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thẩm tra các dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thứ 12 (cuối năm 2023) HĐND tỉnh khóa X;

Trên cơ sở đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2076/TTr-SKHCN ngày 04/12/2023,

UBND tỉnh báo cáo việc tiếp thu, giải trình, điều chỉnh theo ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách tại Báo cáo trên đối với 02 dự thảo Nghị quyết lĩnh vực Khoa học và Công nghệ (*Nghị quyết ban hành quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Nghị quyết ban hành Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2025*), cụ thể như sau:

I. Đối với dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

1. Nội dung thứ nhất

- *Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh:* Đề nghị điều chỉnh tên Nghị quyết thành “*Nghị quyết ban hành Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030*” để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 152 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Đồng thời, điều chỉnh nội dung quy định tại Điều 1 của dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với tên gọi Nghị quyết;

- *Ý kiến của UBND tỉnh:* Tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết.

2. Nội dung thứ hai

- *Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh:* Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 quy định: “*văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy*

định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác”; khoản 1 Điều 27 của Luật quy định: “*HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên*”. Do đó, đề nghị UBND tỉnh rà soát các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5 của Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết, tránh quy định lại các nội dung đã quy định tại Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ Tài chính.

- Ý kiến của UBND tỉnh: UBND tỉnh xin bảo lưu nội dung tham mưu tại dự thảo Quy định đã được trình kèm theo dự thảo Nghị quyết.

Lý do: Đây là các nội dung hiện nay đang được thực hiện trong quá trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng trên địa bàn tỉnh, do đó cần thiết đưa vào dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết. Ngoài việc viện dẫn các quy định của Trung ương, dự thảo cũng đã bổ sung quy định việc “áp dụng các văn bản hiện hành của địa phương” để phù hợp với việc các nội dung Trung ương quy định đã được UBND tỉnh cụ thể hóa bằng các văn bản triển khai thực hiện như: Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, công/trang thông tin điện tử, Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện, bản tin của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định ban hành quy định định mức lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Mặt khác, trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh cũng đã có sự tham khảo việc xây dựng Nghị quyết của các tỉnh, thành lân cận có điều kiện kinh tế - xã tương đồng với tỉnh Bình Phước.

3. Nội dung thứ 3

- Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh: Bổ sung cụm từ “*Nội dung và*” trước cụm từ “*mức chi*” tại phần tiêu đề của các Điều trong dự thảo Quy định.

- Ý kiến của UBND tỉnh: UBND tỉnh xin bảo lưu nội dung tham mưu tại dự thảo Quy định đã được trình kèm theo dự thảo Nghị quyết.

Lý do: Tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 35/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: “... *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với các nhiệm vụ của Chương trình 1322 do địa phương thực hiện) quyết định cụ thể các mức chi đảm bảo phù hợp*”. Do đó, trong dự thảo Quy định ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết chỉ quy định mức chi để phù hợp với Thông tư số 35/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và tên dự thảo Nghị quyết.

4. Nội dung thứ tư

- Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh: Đối với nội dung quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết: Đề nghị phân tích rõ nội dung “*Mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành về nội dung và định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước*” gồm những quy định nào? Quy định về mức chi cụ thể như thế nào?

- Ý kiến giải trình của UBND tỉnh: Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và

quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ. Để triển khai thực hiện Thông tư này, hiện nay UBND tỉnh đang xây dựng văn bản quy định cụ thể ban hành quy định định mức lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước, để làm cơ sở trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

5. Nội dung thứ 5

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh:** Đề nghị thể hiện rõ định mức hỗ trợ đối với nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 6 của dự thảo Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết.

- **Ý kiến giải trình của UBND tỉnh:** Các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 6 tại dự thảo Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết được thực hiện dưới hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Dự thảo Quy định cũng đã nêu cụ thể việc hỗ trợ, đó là *dự toán kinh phí thực hiện theo quy định về nội dung và định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước*; ngoài ra, nội dung này hiện nay tỉnh đang xây dựng văn bản triển khai thực hiện Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6. Nội dung thứ 6

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh:** Đối với nội dung quy định tại khoản 1 Điều 7: Bổ sung Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước. Vì một số nội dung của Thông tư này đã bãi bỏ Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 7, điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

- **Ý kiến của UBND tỉnh:** Tiếp thu và đã chỉnh sửa dự thảo.

7. Nội dung thứ 7

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh:** Đề nghị phân tích, quy định rõ nội dung “các quy định hiện hành của địa phương” gồm cụ thể những quy định nào?

- **Ý kiến giải trình của UBND tỉnh:** Trên cơ sở các Nghị định, Thông tư của Trung ương quy định, UBND tỉnh đã ban hành một số văn bản để triển khai thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, trong đó có Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, công/trang thông tin điện tử, Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện; Bản tin của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định sẽ ban hành thời gian tới quy định định mức lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước... Do đó, trong dự thảo đã đề cập việc ngoài áp dụng các quy định của Trung ương, còn áp dụng các quy định hiện hành của địa phương.

7. Nội dung thứ 8

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh:** Đối với nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8: đề nghị phân tích và làm rõ các căn cứ pháp lý để xây dựng các điều kiện, mức hỗ trợ như nội dung quy định. Bên cạnh đó, cần xác định rõ các điều kiện doanh nghiệp được hỗ trợ đã đáp ứng đủ các điều kiện tham gia Chương trình 1322 theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ hay chưa?

- **Ý kiến giải trình của UBND tỉnh:**

Về căn cứ pháp lý xây dựng điều kiện hỗ trợ: Được xây dựng trên cơ sở căn cứ khoản 1, Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và áp dụng đối với các doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Về mức hỗ trợ: Các mức hỗ trợ trong dự thảo đều được xây dựng bằng 70% mức quy định của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ Trung ương quy định và phù hợp với Quyết định của UBND tỉnh sẽ ban hành thời gian tới quy định mức lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Mức hỗ trợ trên cũng được tiếp thu theo ý kiến góp ý của Sở Tài chính tại Công văn số 3864/STC-HCSN ngày 01/11/2013.

II. Đối với dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2025

1. Nội dung thứ nhất

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh:** Đề nghị phân tích và làm rõ các căn cứ pháp lý xây dựng nội dung tại điểm c, khoản 2 Điều 1 của quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết vì Điều 1 Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ không quy định đối tượng hỗ trợ là: “*Tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo*”

- **Ý kiến giải trình của UBND tỉnh:** Việc quy định đối tượng tại điểm c, khoản 2 Điều 1 của Quy định được xây dựng trên cơ sở của Điều 11 Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” để quy định về nội dung và mức chi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Đề án 844 trên địa bàn tỉnh.

2. Nội dung thứ hai

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh:** Đối với nội dung quy định tại điểm a, điểm c khoản 4 Điều 4 của quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết: đề nghị bổ sung thêm nội dung “*Nghị định số 60/2019/NĐ-CP ngày 05/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ*”.

- **Ý kiến của UBND tỉnh:** Tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo.

3. Nội dung thứ ba

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh:** Rà soát các nội dung quy định mức chi có liên quan đến Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính vì theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 54/2021/TT-BTC ngày 06/7/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 35 Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước: “chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động quy định tại Thông tư này được áp dụng cho đến khi thực hiện chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang do Chính phủ ban hành để triển khai Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp”.

- **Ý kiến giải trình của UBND tỉnh:** Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh cũng đã tiến hành rà soát nội dung này. Tuy nhiên, hiện nay việc thực hiện chế độ tiền lương mới vẫn chưa được thực hiện nên rất khó có cơ sở để xây dựng mức chi phù hợp. Do đó, dự thảo vẫn xin xây dựng trên cơ sở các mức chi theo Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đang còn hiệu lực thi hành.

4. Nội dung thứ tư

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh:** Đề nghị rà soát, bỏ nội dung “Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của HĐND tỉnh Bình Phước quy định chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước” vì nội dung của Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của HĐND tỉnh không quy định nội dung, định mức chi cho việc tổ chức hội nghị, hội thảo về khởi nghiệp sáng tạo.

- **Ý kiến của UBND tỉnh:** Tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo.

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đối với 02 dự thảo Nghị quyết lĩnh vực Khoa học và Công nghệ UBND tỉnh trân trọng báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh).

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT HĐND tỉnh,
BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH&CN, Tài chính, Tư pháp;
- LĐVP, các Phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, PVX (Nga.BC25/23).

CHỦ TỊCH


Trần Tuệ Hiền

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 2023/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

Dự thảo

Đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến
thẩm tra của Ban KT-NS HĐND tỉnh

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia
hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa
trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA, KỲ HỌP THỨ ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ khoản 1 Điều 11 Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm
2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về cơ chế quản lý tài chính thực hiện
Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản
phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình quốc gia hỗ
trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn
2021-2030;*

*Thực hiện Quyết định số 1322/QĐ- TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao
năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030;*

*Xét Tờ trình số 130 /TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 83/BC-HĐND-KTNS ngày 27 tháng 11 năm*

2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa....., kỳ họp thứ..... thông qua ngày..... tháng... năm 2023 và có hiệu lực từ ngàytháng năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&CN, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VB QPPL, Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND, BTT UBMTTQVN tỉnh,
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VT_(TT/25/2076).

CHỦ TỊCH

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Dự thảo

*Đã tiếp thu, chỉnh sửa theo
ý kiến thẩm tra của
Ban KT-NS HĐND tỉnh*

QUY ĐỊNH

**Mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp
nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa
trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030**

*(Kèm theo Nghị quyết số.... /2023/NQ-HĐND ngày... tháng.... năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp quản lý của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp việc áp dụng hỗ trợ nhiều nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung. Trong trường hợp cùng nội dung và đối tượng có thể được hưởng các chính sách hỗ trợ khác nhau thì tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được quyền lựa chọn một trong các chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

2. Trường hợp một tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư nhiều nội dung, hoạt động khác nhau của chính sách thì sẽ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo từng nội dung nếu đủ các điều kiện theo đúng quy định.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Mức chi xây dựng chương trình truyền thông về năng suất, chất lượng; phổ biến, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng suất và chất lượng

1. Chi sản xuất các loại tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết): Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và các văn bản hiện hành của địa phương.

2. Chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, bảng điện tử): Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu, các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác và các văn bản hiện hành của địa phương.

3. Đối với chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng chương trình truyền hình, chương trình phát thanh: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình và Thông tư số 09/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh và các văn bản hiện hành của địa phương.

4. Các nội dung chi khác (chi phí in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm): Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

5. Chi tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng suất, chất lượng: Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 5. Mức chi đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất và chất lượng

1. Chi xây dựng, ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chuyên gia năng suất: Mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành về nội dung và định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Chi biên soạn tài liệu phục vụ công tác đào tạo, tập huấn về nâng cao năng suất, chất lượng: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

3. Chi tổ chức các khóa đào tạo trong nước đối với chuyên gia năng suất chất lượng, giảng viên năng suất chất lượng, cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp và người lao động kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng; mở rộng đào tạo kiến thức về năng suất chất lượng trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề: Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bình Phước được ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Chi thuê chuyên gia, giảng viên trong nước và nước ngoài tham gia các khóa đào tạo chuyên gia năng suất chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định: Mức chi cụ thể do thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình đào tạo quyết định trong phạm vi dự toán được phê duyệt trên cơ sở mức chi quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

Điều 6. Mức chi tăng cường năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

1. Chi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật địa phương phục vụ trực tiếp cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng, thiết lập nền tảng tiêu chuẩn hóa cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.

2. Hỗ trợ nâng cao năng lực tổ chức chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để được công nhận, thừa nhận ở khu vực và quốc tế: Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành. Dự toán kinh phí thực hiện theo quy định về nội dung và định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước và theo các quy định hiện hành về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước; thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm

vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

3. Hỗ trợ tăng cường năng lực thử nghiệm chất lượng, an toàn và sinh thái của sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu chủ lực của tỉnh: Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách hằng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt nhiệm vụ tăng cường năng lực thử nghiệm chất lượng, an toàn và sinh thái của sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu chủ lực của tỉnh. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ chịu trách nhiệm thực hiện công việc trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 7. Mức chi phục vụ công tác quản lý, chi phí chung của Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp

1. Chi tư vấn xác định nhiệm vụ; tuyển chọn nhiệm vụ; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ; tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan thường trực hoặc đầu mối tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp; tổ chức các hội thảo khoa học. Chi cho các nhiệm vụ nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế chính sách, các giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thúc đẩy năng suất ngành, địa phương và doanh nghiệp trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế; các nhiệm vụ nghiên cứu, triển khai ứng dụng các giải pháp năng suất xanh và phát triển cộng đồng: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ; Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành của địa phương.

2. Chi công tác phí, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp: Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

3. Chi văn phòng phẩm, thanh toán dịch vụ công cộng (tiền điện, nước, thông tin liên lạc): Mức chi thực hiện thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4. Chi tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích cao trong hoạt động nâng cao năng suất chất lượng:

a) Căn cứ theo điều kiện cụ thể, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích cao trong hoạt động nâng cao năng suất chất lượng theo quy định của Luật Thi đua - Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn.

b) Mức chi khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua - Khen thưởng.

Trong trường hợp huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác (không phải nguồn ngân sách nhà nước) từ các tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài để tôn vinh, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích cao trong hoạt động nâng cao năng suất chất lượng: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy chế khen thưởng cụ thể của các tổ chức, cá nhân tài trợ sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền đồng ý cho tổ chức, cá nhân đó tổ chức khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật.

5. Chi các hoạt động hợp tác quốc tế về năng suất, chất lượng: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam; chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước và Thông tư số 54/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 35 Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 8. Chi hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh; tham gia các chương trình đào tạo của Bộ Khoa học và Công nghệ và quốc tế

1. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp được hỗ trợ từ Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật; ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá chủ lực của quốc gia, ngành, lĩnh vực và địa phương.

2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 70% chi phí hướng dẫn (tư vấn) doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng cơ bản; đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng đặc thù của ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về hệ thống quản lý mới được công bố.

b) Hỗ trợ 70% chi phí áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.

c) Hỗ trợ 70% chi phí hướng dẫn (tư vấn), thuê, mua giải pháp, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp.

d) Hỗ trợ 70% chi phí chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

3. Nhiệm vụ hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều này được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành. Dự toán kinh phí thực hiện theo quy định về nội dung và định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước và theo các quy định hiện hành về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước; thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá giai đoạn 2021-2030.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế”./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2023/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

Dự thảo
Đã tiếp thu ý kiến thẩm tra
của Ban KT - NS HĐND tỉnh

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định nội dung và mức chi thực hiện
Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo
trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2025**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA ... KỲ HỌP THỨ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chế độ tài chính cho hoạt động tổ chức Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BKHCN ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;

Căn cứ khoản 1, Điều 14 Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;

Thực hiện Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;

Thực hiện Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;

Xét Tờ trình số 129/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 83/BC-HĐND-KTNS ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2025.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa..., kỳ họp thứ...thông qua ngày...tháng...năm 2023 và có hiệu lực từ ngày...tháng...năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&CN, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VB QPPL, Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND, BTT UBMTTQVN tỉnh,
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VT_(25/2076).

CHỦ TỊCH

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Dự thảo

*Đã tiếp thu ý kiến thẩm tra
của Ban KT- NS HĐND tỉnh*

QUY ĐỊNH

**Nội dung và mức chi thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp
đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số... /2023/NQ-HĐND ngày... /.... /2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2025.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cá nhân, nhóm cá nhân, Hợp tác xã nông nghiệp có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Doanh nghiệp khởi nghiệp có thời gian hoạt động không quá 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

b) Tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất – kỹ thuật, đầu tư, truyền thông cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bình Phước, đáp ứng các tiêu chí sau:

- Người đứng đầu có ít nhất 01 năm kinh nghiệm hoạt động tư vấn đầu tư, tài chính và hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp.

- Tổ chức có ít nhất 01 năm hoạt động, cung cấp dịch vụ cho ít nhất 10 nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và đã đầu tư hoặc gọi vốn đầu tư được ít nhất 01 tỷ đồng cho các nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

- Có quy trình hỗ trợ khởi nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thỏa thuận hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài về đầu tư, đào tạo, huấn luyện, tư vấn cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

c) Đối tượng quy định tại khoản a, b Điều này tham gia quản lý, thực hiện các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng không trùng lặp việc áp dụng hỗ trợ nhiều nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung. Trong trường hợp cùng nội dung và đối tượng có thể được hưởng các chính sách hỗ trợ khác nhau thì tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được quyền lựa chọn một trong các chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

2. Trường hợp một tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư nhiều nội dung, hoạt động khác nhau của chính sách thì sẽ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo từng nội dung nếu đủ các điều kiện.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước chỉ đầu tư phát triển khoa học và công nghệ; nguồn kinh phí chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp quản lý ngân sách của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Chương II

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI

Điều 4. Nội dung và mức chi để tổ chức sự kiện ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Thuê địa điểm tổ chức sự kiện, chi thông tin tuyên truyền về sự kiện và chi phí hoạt động chung của Ban Tổ chức sự kiện (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan): Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

2. Hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện. Mức chi tối đa không quá 7.000.000 đồng/1 đơn vị tham gia.

3. Chi tiếp các đoàn và khách mời quốc tế; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Thực hiện theo Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước; Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Phước và các quy định hiện hành của địa phương.

4. Tổ chức cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bình Phước

a) Căn cứ theo điều kiện cụ thể, cơ quan có thẩm quyền xây dựng kế hoạch tổ chức và quy chế xét tặng giải thưởng cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc các ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ; Nghị định số 60/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng

7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn của cơ quan thẩm quyền có liên quan.

b) Nội dung và mức chi: Chi tổ chức xét chọn và chấm giải thưởng, chi thù lao cho thành viên Ban Tổ chức, Ban Thư ký trong thời gian tổ chức cuộc thi, chi giải thưởng cho các tổ chức, nhóm cá nhân, cá nhân và doanh nghiệp có ý tưởng, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đạt giải: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về nội dung và mức chi từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến, sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

c) Đối với cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo mà tiền thưởng lấy từ nguồn ngân sách nhà nước: Thời hạn tổ chức cuộc thi xét tặng giải thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ; Nghị định số 60/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ.

Điều 5. Nội dung và mức chi để phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Hỗ trợ kinh phí mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp, chuyên gia, phổ biến giáo trình khởi nghiệp đã được nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong nước, quốc tế cho một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ. Trong đó:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước chi hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí trên cơ sở khả năng thu của đơn vị (mức chi hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện).

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và doanh nghiệp: Ngân sách nhà nước mức chi hỗ trợ tối đa không quá 40% tổng dự toán kinh phí thực hiện.

2. Thuê chuyên gia trong nước, quốc tế để triển khai các khóa đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đào tạo huấn luyện viên khởi nghiệp, nhà đầu tư khởi nghiệp tại một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh:

a) Đối với chuyên gia trong nước: Mức chi thuê chuyên gia tối đa không quá 10.000.000 đồng/chuyên gia/khóa đào tạo.

Trong trường hợp cần thiết phải tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu, dài ngày (từ 30 ngày trở lên), mức chi thuê chuyên gia tối đa không quá 28.000.000 đồng/chuyên gia/khóa đào tạo.

b) Đối với chuyên gia nước ngoài: Mức chi thuê chuyên gia nước ngoài tối đa không quá 35% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

Điều 6. Nội dung và mức chi đối với hoạt động truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Hỗ trợ tối đa 40% kinh phí xây dựng chương trình truyền thông về hoạt động khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ đầu tư cho khởi nghiệp và phổ biến, tuyên truyền các điển hình khởi nghiệp thành công trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Dự toán kinh phí đối với hoạt động truyền thông và phổ biến tuyên truyền được lập theo các quy định sau:

a) Chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và các quy định hiện hành của địa phương.

b) Chi các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, panô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, băng điện tử): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác và các quy định hiện hành của địa phương.

c) Chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng chương trình truyền hình: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình và các quy định hiện hành của địa phương.

d) Các nội dung chi khác (chi phí in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm, chi truyền thông trên mạng xã hội): Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm hiệu quả.

đ) Tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến về các điển hình khởi nghiệp và hỗ trợ khởi nghiệp thành công của Việt Nam: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 7. Nội dung và mức chi các hoạt động kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo

1. Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo về khởi nghiệp sáng tạo, kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, đầu tư mạo hiểm ở trong nước, với khu vực và thế giới: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học công

nghe; Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước; Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Mức chi hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Mức chi hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và doanh nghiệp: Mức chi hỗ trợ tối đa không quá 40% kinh phí thực hiện.

2. Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, sự kiện khởi nghiệp, kết nối với các chuyên gia khởi nghiệp trong khu vực và trên thế giới.

a) Đối với chuyên gia trong nước: Mức chi thuê chuyên gia tối đa không quá 7.000.000 đồng/chuyên gia/chương trình.

b) Đối với chuyên gia nước ngoài: Mức chi trả cho chuyên gia nước ngoài do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình kết nối quyết định sau khi đã thỏa thuận với chuyên gia theo hợp đồng và trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Điều 8. Nội dung và mức chi hỗ trợ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Hỗ trợ một phần kinh phí cho doanh nghiệp, Hợp tác xã nông nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh trả tiền công lao động trực tiếp; sử dụng các dịch vụ khởi nghiệp sáng tạo; sử dụng không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ và tham gia các khoá huấn luyện tập trung ngắn hạn ở nước ngoài. Trong đó ưu tiên hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp, Hợp tác xã nông nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thành tích xuất sắc, đạt thứ hạng cao tại cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các sự kiện khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp quốc gia hoặc quốc tế.

2. Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp:

- Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Dự toán kinh phí thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và áp dụng định mức chi theo quy định hiện hành của tỉnh.

- Thời gian hỗ trợ: không quá 01 năm/doanh nghiệp.

- Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa không quá 07 doanh nghiệp/năm.

b) Hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (gồm: đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác, thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ): Mức chi hỗ trợ tối đa không quá 56.000.000 đồng/doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ kinh phí cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

- Dự toán kinh phí thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và áp dụng theo quy định hiện hành của địa phương.

- Mức chi hỗ trợ tối đa 40% kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa không quá 07 doanh nghiệp/năm.

Điều 9. Nội dung và mức chi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung để triển khai hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh

1. Chi thông tin, tuyên truyền về công tác hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và kết quả thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

2. Chi tư vấn xác định nhiệm vụ; tuyển chọn các nhiệm vụ của hoạt động hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; kiểm tra, đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ; tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của các cơ quan hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh; tổ chức hội thảo khoa học: Thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và các quy định hiện hành của địa phương.

3. Chi điều tra, khảo sát, thống kê, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các quy định hiện hành của địa phương.

4. Chi cho các nhiệm vụ nghiên cứu, tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách để thúc đẩy môi trường đổi mới sáng tạo: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và các quy định hiện hành của địa phương.

5. Chi công tác phí, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết hoạt động hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

6. Chi văn phòng phẩm, thanh toán dịch vụ công cộng (tiền điện, nước, thông tin liên lạc): Thực hiện thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Chi đoàn ra, đoàn vào: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí và Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

8. Chi duy trì, vận hành Cổng thông tin điện tử khởi nghiệp của tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý các hoạt động hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; mua sắm trang thiết bị văn phòng, sửa chữa tài sản phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của công tác hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh: Thực hiện theo các quy định hiện hành về tạo lập thông tin điện tử, chế độ nhuận bút đối với báo điện tử; tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định về việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị.

9. Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp hoạt động chung của cơ quan chủ trì công tác hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Thực hiện theo các quy định hiện hành của tỉnh, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án Hỗ trợ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế./.